ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 471/QĐ-UBND	*An Giang, ngày 03 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực địa chất và khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân cấp phân quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 33/2025/TT-BTNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt đề án, dự án, nhiệm vụ, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và công bố kết quả điều tra cơ bản địa chất;

Căn cứ Thông tư số 34/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu biểu thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản và danh mục, quy cách mẫu vật địa chất, khoáng sản, mẫu vật bảo tàng địa chất;

Căn cứ Thông tư số 35/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định nội dung điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh về việc phân công nhiệm vụ Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND tỉnh An Giang, nhiệm kỳ 2021-2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 833/TTr-SNNMT ngày 16 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực địa chất và khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực địa chất và khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT, vtxuan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Ngô Công Thức

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực địa chất và khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang

(Kèm theo Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức, nội dung phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong quản lý nhà nước về lĩnh vực địa chất và khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các Sở, ban, ngành và cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

2. Việc phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị phối hợp; quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Đảm bảo sự phối hợp kịp thời, chặt chẽ của các cơ quan, tổ chức trong quản lý nhà nước về khoáng sản.

4. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong các cơ quan hành chính nhà nước quản lý về lĩnh vực địa chất và khoáng sản; tăng cường kỷ luật, kỷ cương và nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về lĩnh vực địa chất và khoáng sản của cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Phương thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung phối hợp; tổ chức họp các Sở, ban, ngành có liên quan.

2. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về địa chất và khoáng sản và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

3. Tổ chức tham gia họp liên ngành; hội nghị sơ kết, tổng kết.

4. Thành lập, tham gia các đoàn kiểm tra, thanh tra liên ngành về lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

5. Các hình thức phối hợp khác.

Điều 5. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng, tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật quản lý tài nguyên khoáng sản.

2. Xây dựng, điều chỉnh Phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản trong Quy hoạch tỉnh An Giang.

3. Khoanh định, khoanh định điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

4. Khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ.

5. Thẩm định hồ sơ cấp phép thăm dò khoáng sản và quản lý hoạt động thăm dò khoáng sản.

6. Thẩm định hồ sơ công nhận kết quả thăm dò khoáng sản, thu hồi khoáng sản.

7. Thẩm định hồ sơ đề xuất chủ trương dự án khai thác, chế biến khoáng sản.

8. Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản và công tác quản lý sau khi cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

9. Bảo vệ môi trường, bảo vệ đất đai, bờ bãi ven sông, hồ chứa trong hoạt động khai thác khoáng sản.

10. Thẩm định hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản và giám sát quá trình thi công đề án đóng cửa mỏ.

11. Quản lý cát sỏi, lòng sông, lòng hồ và khu vực biển

12. Thống kê, báo cáo tình hình hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

13. Khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

14. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

15. Thẩm định, cho ý kiến về Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật, Thiết kế sau thiết kế cơ sở của Dự án khai thác, chế biến khoáng sản.

16. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, thẩm định cấp phép môi trường các dự án khai thác, chế biến khoáng sản.

17. Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và xử lý hoạt động khai thác khoáng sản trái phép.

18. Quản lý sản lượng khai thác của các tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

19. Xây dựng bảng giá tính thuế tài nguyên các loại khoáng sản.

20. Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ trong lĩnh vực khoáng sản đối với nguồn kinh phí của tỉnh.

21. Kiểm tra hoạt động khoáng sản và công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản tại các địa phương.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Xây dựng, tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật quản lý tài nguyên khoáng sản

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng và tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và chính quyền địa phương liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tham gia và chịu trách nhiệm về nội dung góp ý vào dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài nguyên khoáng sản.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện và ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực khoáng sản trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền.

Điều 7. Xây dựng, điều chỉnh Phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản trong Quy hoạch tỉnh An Giang

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan triển khai thực hiện Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản trong Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh từng giai đoạn, thời kỳ phải báo cáo cấp có thẩm quyền để lập hồ sơ điều chỉnh, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

b) Định kỳ rà soát, đánh giá các khu vực có tiềm năng khoáng sản đủ điều kiện cấp phép hoạt động khoáng sản để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, bổ sung Phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản trong Quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản, Luật quy hoạch.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính.

Tổng hợp thông tin về các khu vực khoáng sản trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường và hoàn thiện hồ sơ báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh (bổ sung) Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản trong Quy hoạch tỉnh An Giang.

3. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, địa phương.

a) Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình kiểm tra thực địa, rà soát các vấn đề liên quan đến khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản sau khi Quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch tỉnh An Giang được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Khoanh định, khoanh định điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

a) Chủ trì, tham mưu khoanh định, khoanh định điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh; lập hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP; trình Ủy ban nhân dân tỉnh gửi lấy ý kiến các Bộ: Quốc phòng, Công an, Văn hóa và Thể thao, Du lịch, Dân tộc và Tôn giáo, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công thương về kết quả khoanh định, khoanh định điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

b) Tiếp thu, giải trình theo ý kiến đóng góp của các cơ quan được lấy ý kiến; hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành.

a) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng và Công an tỉnh, cung cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường các thông tin có liên quan về khu vực đất quy hoạch dành cho mục đích an ninh, quốc phòng hoặc nếu tiến hành hoạt động khoáng sản có thể gây ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; các thông tin trong khu vực có yêu cầu về an ninh, quốc phòng phát sinh (nơi có quy hoạch khoáng sản và đang có hoạt động khoáng sản).

b) Sở Văn hóa và Thể thao cung cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thông tin về khu vực bảo vệ của các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc được khoanh vùng bảo vệ theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

c) Sở Du lịch cung cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thông tin quy hoạch về du lịch; cơ sở dữ liệu, quản lý, bảo vệ, bảo tồn, khai thác, sử dụng hợp lý và phát triển tài nguyên du lịch.

d) Sở Dân tộc và Tôn giáo cung cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thông tin có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số và tín ngưỡng, tôn giáo.

đ) Sở Xây dựng cung cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường các thông tin về phạm vi hành lang bảo vệ công trình giao thông.

e) Sở Công Thương cung cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường các thông tin, dữ liệu công trình năng lượng, điện, xăng dầu, khí của ngành.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình kiểm tra thực địa, rà soát các vấn đề liên quan đến khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

Điều 9. Khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ

Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

a) Chủ trì kiểm tra, rà soát khu vực khoáng sản đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện cấp phép thăm dò, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản, cấp giấy phép khai thác khoáng sản đối với khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định, công bố.

Điều 10. Thẩm định hồ sơ cấp phép thăm dò khoáng sản và quản lý hoạt động thăm dò khoáng sản

1. Thẩm định hồ sơ cấp phép thăm dò khoáng sản.

a) Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

(1) Chủ trì thẩm định hồ sơ thăm dò khoáng sản của các tổ chức, cá nhân và trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép thăm dò khoáng sản theo thẩm quyền.

(2) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định Đề án thăm dò khoáng sản trong trường hợp cần thiết (khi đề án có tính chất phức tạp) theo đúng quy định.

b) Các Sở, ngành, địa phương, các chuyên gia về địa chất, khoáng sản hoặc các cơ quan, đơn vị khác có liên quan phối hợp trong công tác thẩm định đề án thăm dò khoáng sản.

2. Quản lý hoạt động thăm dò khoáng sản.

a) Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

(1) Ban hành văn bản hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện công tác thăm dò khoáng sản theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản và theo nội dung của giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

(2) Cử đơn vị giám sát thi công thăm dò đối với Giấy phép thăm dò khoáng sản do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 44/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về giám sát thi công thăm dò khoáng sản.

b) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

(1) Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thăm dò khoáng sản; hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác đối với diện tích khu vực khoáng sản được cấp phép thăm dò khoáng sản theo quy định.

(2) Thông tin cho các cơ quan, đơn vị và người dân biết trên địa bàn có đơn vị thực hiện công tác thăm dò khoáng sản.

(3) Giám sát hoạt động khoáng sản trên địa bàn quản lý; kịp thời phản ánh với Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường khi phát hiện thấy dấu hiệu vi phạm pháp luật đối của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

Điều 11. Thẩm định hồ sơ công nhận kết quả thăm dò khoáng sản, thu hồi khoáng sản

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

a) Chủ trì thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản của các tổ chức, cá nhân và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền.

b) Chủ trì thẩm định hồ sơ xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

Phân công cơ quan chuyên môn thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 Luật Địa chất và khoáng sản.

Điều 12. Thẩm định hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án khai thác, chế biến khoáng sản

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính.

a) Chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh trước khi được cấp phép khai thác khoáng sản.

b) Ban hành văn bản lấy ý kiến các sở chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan về đề xuất chủ trương đầu tư dự án khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh, bao gồm cả các dự án đầu tư, khai thác và chế biến khoáng

sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính trong quá trình thẩm định hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư các dự án khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Việc tham gia ý kiến góp ý thẩm định các dự án khai thác, chế biến khoáng sản bằng văn bản. Các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm tham gia theo chức năng, nhiệm vụ quản lý của ngành, lĩnh vực phụ trách và nội dung góp ý phải thể hiện rõ quan điểm đồng thuận hay không đồng thuận, cung cấp nguyên nhân, lý do để minh bạch và thuyết phục.

Điều 13. Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản và công tác quản lý sau khi cấp giấy phép khai thác khoáng sản

1. Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Các cơ quan phối hợp bao gồm: Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Văn hóa và Thể thao, Thuế tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc một số cơ quan khác (nếu cần thiết).

c) Khi nhận được văn bản đề nghị cho ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan phối hợp có trách nhiệm cho ý kiến bằng văn bản về các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quản lý của ngành, lĩnh vực và đảm bảo đúng thời gian.

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đối với các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản), tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (đối với các khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản) và tiền hoàn trả kinh phí do nhà nước đã đầu tư cho công tác điều tra, thăm dò khoáng sản (nếu có) để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

đ) Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đầu mối, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản tham gia ý kiến đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Công tác quản lý hoạt động khai thác khoáng sản sau khi cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

a) Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

(1) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra, bàn giao mốc ranh giới khu vực khai thác theo giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép. Riêng đối với Giấy phép khai thác khoáng sản do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp phép phải mời đại diện Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

(2) Tiếp nhận, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện các thủ tục để hoạt động khoáng sản theo Giấy phép đã được cấp: Lập thủ tục trình Uỷ ban nhân dân

tỉnh quyết định cho tổ chức thuê đất sau khi tiếp nhận hồ sơ thuê đất; ký hợp đồng thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tiếp nhận đối với thông báo Giám đốc điều hành mỏ, đăng ký xây dựng cơ bản mỏ, thiết kế mỏ. Hồ sơ cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; Giấy phép môi trường. Thủ tục hoàn trả kinh phí do nhà nước đã đầu tư cho công tác điều tra, thăm dò khoáng sản theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản khi có yêu cầu.

(3) Quản lý, lưu trữ hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản và tình hình hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

(4) Cung cấp thông tin về giấy phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh mới được cấp cho Thuế tỉnh An Giang.

(5) Định kỳ hàng năm phối hợp với Thuế tỉnh An Giang, Uỷ ban nhân dân cấp xã kiểm soát chặt chẽ sản lượng khai thác khoáng sản thực tế của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản. Thông tin (chuyển dữ liệu) về cho Thuế tỉnh An Giang các nội dung thay đổi giấy phép, thông tin về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản để kiểm tra, rà soát, ra thông báo yêu cầu người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ nộp tiền vào ngân sách Nhà nước.

(6) Hằng năm thực hiện việc thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản; tổng hợp tình hình quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn cho Uỷ ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

(7) Kiểm tra việc thi hành pháp luật về tài nguyên và môi trường, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại tố cáo và xử lý theo thẩm quyền.

(8) Phối hợp kiểm tra hoạt động khoáng sản theo đề nghị của các cơ quan có liên quan.

b) Trách nhiệm của Sở Công Thương.

(1) Phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, công nghệ khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và sản xuất xi măng); các quy định về kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản.

(2) Chủ trì thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh; thẩm định cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, thu hồi giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp của các tổ chức, đơn vị sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo thẩm quyền.

(3) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp của các doanh nghiệp theo quy định. .

(4) Phối hợp kiểm tra hoạt động khoáng sản theo đề nghị của các cơ quan có liên quan.

c) Trách nhiệm của Sở Xây dựng.

(1) Tổ chức kiểm tra và đề xuất xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện theo nội dung đã thẩm định trong thiết kế các dự án khai thác khoáng làm vật liệu

xây dựng thông thường, các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành của các chủ dự án khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

(2) Phối hợp thẩm định hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản và công tác quản lý sau khi cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

(3) Theo dõi, tổng hợp tình hình sản xuất vật liệu xây dựng và nhu cầu sử dụng trên địa bàn tỉnh.

(4) Chủ trì thực hiện công tác quản lý, kiểm tra, đề xuất xử lý vi phạm đối với các hoạt động nạo vét luồng, lạch trên sông, trong vùng thủy nội địa có thu hồi khoáng sản.

(5) Phối hợp kiểm tra hoạt động khoáng sản theo đề nghị của các cơ quan có liên quan.

d) Trách nhiệm của Sở Nội vụ.

(1) Tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn thực hiện đúng quy định pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động và những văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến các tổ chức, doanh nghiệp, thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động trong hoạt động khoáng sản theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

(2) Chủ trì kiểm tra vấn đề an toàn và vệ sinh lao động trong hoạt động khoáng sản, xử lý các trường hợp vi phạm.

(3) Phối hợp kiểm tra hoạt động khoáng sản theo đề nghị của các cơ quan có liên quan; phối hợp với Sở Công Thương, Công an tỉnh theo dõi, kiểm tra việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong hoạt động khoáng sản.

đ) Trách nhiệm của Công an tỉnh.

Hướng dẫn, kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự, Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp theo thẩm quyền; phối hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khoáng sản và xử lý vi phạm trong khai thác, vận chuyển, kinh doanh khoáng sản trái phép theo thẩm quyền quy định. Kiểm tra, xử lý các phương tiện vận chuyển khoáng sản quá tải, quá khổ.

e) Trách nhiệm của Thuế tỉnh An Giang.

Thông báo thông tin nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định; hướng dẫn việc đăng ký, kê khai nộp các loại thuế, phí liên quan đến hoạt động khoáng sản; kiểm tra xử lý vi phạm trong lĩnh vực thuế theo thẩm quyền; Quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định.

g) Trách nhiệm của Sở Tài chính.

Phối hợp kiểm tra, giám sát đầu tư, tiến độ đầu tư đối với dự án khai thác, chế biến khoáng sản đã được cấp phép theo thẩm quyền quản lý để kịp thời phát hiện các vi phạm, sai phạm và đề xuất biện pháp xử lý theo quy định.

h) Trách nhiệm của Sở Văn hóa và Thể thao.

(1) Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu trình cấp thẩm quyền xem xét, xử lý trong trường hợp hoạt động khai thác khoáng sản phát hiện di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

(2) Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động khoáng sản xâm phạm di tích, các khu vực có khả năng ảnh hưởng xấu đến cảnh quan thiên nhiên và môi trường sinh thái của di tích.

i) Trách nhiệm các Ban quản lý dự án, các Chủ đầu tư được giao quản lý các công trình xây dựng có nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước:

(1) Tăng cường thẩm tra nguồn gốc các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng sử dụng cho các công trình xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước khi thanh quyết toán; không thanh, quyết toán đối với khối lượng vật liệu xây dựng là khoáng sản mà không xuất trình được các chứng từ chứng minh nguồn gốc hợp pháp.

(2) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng các mỏ vật liệu được xác định khai thác phục vụ các công trình.

k) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

Kiểm tra, hướng dẫn việc chấp hành quy định của pháp luật và thực hiện nội dung của Giấy phép hoạt động khoáng sản của các tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản theo giấy phép được cấp; kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm và xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Bảo vệ môi trường, đất đai, bờ bãi ven sông, công trình thủy lợi trong hoạt động khai thác khoáng sản

1. Phối hợp trong kiểm tra phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường, đất đai, bờ bãi ven sông nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

a) Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cơ quan chuyên môn kiểm tra định kỳ, đột xuất công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ đất đai, bờ bãi ven sông ở những khu vực có hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn quản lý để đề xuất với các cơ quan liên quan hướng xử lý các mỏ khai thác khoáng sản có nguy cơ xảy ra sự cố sập đổ, ảnh hưởng đến môi trường, an toàn tính mạng, công trình lân cận và cộng đồng. Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị lực lượng, phương tiện, trang thiết bị sẵn sàng để huy động ứng cứu kịp thời khi xảy ra sự cố, giảm thiểu thiệt hại đến mức thấp nhất.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Ban quản lý Khu kinh tế hướng dẫn, kiểm tra thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo hồ sơ bảo vệ môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chủ trì, phối hợp kiểm tra đối với các mỏ khai thác khoáng sản có nguy cơ gây sạt lở đất và sự cố khai thác mỏ khoáng sản gây ra theo đề xuất của Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra hệ thống công trình đê điều, công trình thủy lợi; xử lý hoặc đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp khai thác khoáng sản có nguy cơ gây mất an toàn cho các công trình đê điều, công trình thủy lợi theo quy định.

d) Công an tỉnh kiểm tra phương tiện khai thác, vận chuyển khoáng sản quá khổ, quá tải, gây hư hỏng hạ tầng giao thông và các trường hợp khai thác khoáng sản gây ô nhiễm môi trường; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

đ) Sở Công Thương phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, đề xuất hướng xử lý các mỏ lộ thiên có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có nguy cơ xảy ra sự cố ảnh hưởng an toàn tính mạng con người, công trình lân cận và cộng đồng.

2. Phối hợp trong kiểm tra khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường, đất đai, sạt lở bờ bãi, đê điều do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra.

a) Trường hợp xảy ra sự cố gây suy thoái, ô nhiễm môi trường, đất đai, sạt lở bờ sông, hồ, đập, công trình thủy lợi do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có trách nhiệm huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị để ứng cứu kịp thời sự cố xảy ra, nhằm giảm thiểu thiệt hại đến mức thấp nhất.

b) Trường hợp vụ việc xảy ra phức tạp, quy mô rộng, vượt quá thẩm quyền giải quyết thì phải báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này để có phương án xử lý sự cố; các trường hợp khẩn cấp có thể báo cáo qua điện thoại, nhưng sau 24 giờ phải có văn bản báo cáo kèm theo phương án đề xuất, kiến nghị xử lý cụ thể.

c) Trên cơ sở đề xuất, kiến nghị xử lý sự cố của Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, xử lý các sự cố gây suy thoái, ô nhiễm môi trường, đất đai, công trình lân cận và cộng đồng do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra.

d) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, các cơ quan khác có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra các vụ tai nạn lao động xảy ra tại các mỏ trên địa bàn; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường về tình hình tai nạn lao động tại các mỏ (nếu có).

Điều 15. Thẩm định hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản và giám sát quá trình thi công đề án đóng cửa mỏ

1. Thẩm định Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được thực hiện theo hình thức thành lập Hội đồng thẩm định. Hội đồng thẩm định do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan phối hợp trong công tác thẩm định Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Thuế tỉnh An Giang, Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh An Giang phối hợp cung cấp thông tin về kết quả thực hiện nghĩa tài chính và số tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định trong quá trình thẩm định Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã giám sát quá trình thi công đề án đóng cửa mỏ theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 16. Quản lý cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và khu vực biển

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

a) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ cấp giấy phép thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển; lấy ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh giáp ranh khi thẩm định hồ sơ cấp giấy phép thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển trên địa bàn vùng giáp ranh.

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản theo thẩm quyền.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể đối với hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu giám sát.

2. Trách nhiệm của Công an tỉnh.

Tuần tra, kiểm tra xử lý vi phạm theo quy định đối với hoạt động khai thác cát, sỏi trái phép trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm các hành vi khai thác cát, sỏi lòng sông trái phép, hoạt động vận chuyển, mua bán cát, sỏi không có nguồn gốc hợp pháp tại khu vực giáp ranh địa giới hành chính cấp tỉnh.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu.

a) Tiếp nhận thông tin của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chỉ đạo cơ quan chuyên môn tổ chức kiểm tra, xác minh làm rõ vụ việc tại khu mỏ, thông tin kết quả về Sở Nông nghiệp và Môi trường liên quan đến phương tiện có vi phạm để làm căn cứ xử lý.

b) Thường xuyên kiểm tra thực tế, đồng thời theo dõi hệ thống camera an ninh được lắp trên địa bàn để kịp thời ngăn chặn, phát hiện các hoạt động khai thác cát sông trái phép xảy ra trên địa bàn, xử lý vi phạm theo quy định hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xác minh ban đầu đối với dư luận, phản ánh về các phương tiện khai thác vượt ra ngoài ranh giới khu vực được cấp phép, khai thác không đúng khung thời gian nêu trong giấy phép hoặc văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và các hành vi vi phạm khác trong quá trình khai thác.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác cát, sỏi lòng sông, lồng hồ, khu vực biển.

a) Quan trắc, đánh giá mức độ bồi tụ khu vực khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển:

(1) Lập phương án quan trắc, đánh giá mức độ bồi tụ tại khu vực khai thác; đánh giá mức độ biến động đáy sông, hồ, biển khu vực lân cận.

(2) Lập bản đồ đáy sông, hồ, biển tại khu vực khai thác và khu vực lân cận định kỳ 06 tháng 01 lần.

b) Xác định ranh giới khu vực khai thác; cắm mốc hoặc thả phao xác định các điểm khép góc khu vực khai thác cát, sỏi lòng sông.

c) Bảo đảm loại phương tiện, thiết bị được sử dụng trong khu vực khai thác được đăng ký, đăng kiểm theo quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa và các quy định pháp luật khác có liên quan.

d) Lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và lưu trữ thông tin về vị trí, hành trình của phương tiện, thiết bị.

đ) Bến, bãi tập kết cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và khu vực biển

(1) Khi tập kết cát, sỏi lòng sông sau khai thác tại các bến, bãi phải tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác cát, sỏi lòng sông phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Khu vực bến, bãi chứa cát, sỏi nằm trong phạm vi cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa theo quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa.

Trường hợp bến, bãi trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi hoặc liên quan đến đê điều phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật về thủy lợi, đê điều.

Phải lắp đặt bảng thông báo để công khai thông tin của bến bãi tập kết cát, sỏi với các nội dung: địa chỉ cung cấp cát, sỏi được tập kết tại bến bãi; lắp đặt trạm cân, camera để giám sát khối lượng cát, sỏi mua - bán tại bến bãi, diện tích bến bãi.

(2) Trường hợp không sử dụng bến, bãi, tổ chức, cá nhân được phép khai thác cát, sỏi lòng sông phải ký hợp đồng vận chuyển với tổ chức, cá nhân có phương tiện vận chuyển đáp ứng các yêu cầu về điều kiện hoạt động của phương tiện theo quy định của pháp luật có liên quan về giao thông đường thủy nội địa và quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản.

(3) Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lắp đặt bảng thông báo để công khai thông tin về giấy phép khai thác, dự án khai thác với các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 116 Nghị đinh định 193/2025/NĐ-CP và phải bảo đảm các yêu cầu sau:

Được lắp đặt tại khu vực đường giao thông gần khu vực khai thác và trên phương tiện khai thác khi thực hiện khai thác khoáng sản;

Được làm bằng chất liệu phản quang, nội dung công khai trên bảng thông báo gồm: Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khoáng sản; số giấy phép khai

thác khoáng sản, ngày cấp, cơ quan cấp; tọa độ, diện tích và sơ đồ phạm vi khu vực khai thác; thời gian khai thác; loại phương tiện, thiết bị, biển kiểm soát để sử dụng khai thác.

Điều 17. Thống kê, báo cáo tình hình hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh

1. Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Xây dựng, các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng báo cáo tình hình hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

2. Các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 18. Khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường:

1. Chủ trì lựa chọn các khu vực khoáng sản trong Phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản đáp ứng một trong các tiêu chí quy định tại Điều 143 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ để khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, phê duyệt bổ sung hoặc loại bỏ danh mục khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

3. Đăng tải công khai danh sách khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

Điều 19. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1. Trách nhiệm Sở Nông nghiệp và Môi trường.

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành và chính quyền địa phương hàng năm tổng hợp danh sách, xin ý kiến các sở, ngành và địa phương có liên quan để lập Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh và tham mưu tổ chức đấu giá theo quy định.

b) Đăng tải công khai kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

c) Chủ trì xác định bước giá, giá khởi điểm, tiền đặt trước đối với các mỏ theo kế hoạch đấu giá đã được phê duyệt.

d) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 149 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xác định giá thuế tài nguyên làm cơ sở tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

2. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

a) Trong quý I hàng năm, căn cứ theo nhu cầu trên địa bàn, có văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại các mỏ khoáng sản trên địa bàn, bao gồm khoanh định cả khu vực đấu giá mỏ và khu vực phụ trợ.

b) Căn cứ danh mục các khu vực khoáng sản theo kế hoạch đấu giá đã được phê duyệt, tiến hành rà soát, đối chiếu với Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Trường hợp, chưa phù hợp với Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt thì thực hiện cập nhật vào Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định.

c) Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất và sử dụng hạ tầng giao thông trong khai thác khoáng sản.

Điều 20. Thẩm định, cho ý kiến về Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật, Thiết kế sau thiết kế cơ sở của Dự án khai thác, chế biến khoáng sản

1. Trách nhiệm của Sở Công Thương.

Góp ý kiến về Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật, Thiết kế cơ sở của Dự án khai thác, chế biến khoáng sản (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và sản xuất xi măng)

2. Trách nhiệm của Sở Xây dựng.

Chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật, Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

3. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã và ban hành văn bản thông báo kết quả thẩm định gửi tổ chức, cá nhân lập hồ sơ và các cơ quan liên quan để phối hợp quản lý.

4. Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật, Thiết kế sau thiết kế cơ sở của Dự án khai thác, chế biến khoáng sản sau thẩm định phải được cơ quan chủ trì đóng dấu thẩm định và có chữ ký theo quy định.

Điều 21. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, thẩm định cấp phép môi trường các dự án khai thác, chế biến khoáng sản

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, thẩm định cấp phép môi trường các dự án khai thác, chế biến khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, thẩm định cấp phép môi trường theo quy định.

2. Khi nhận được văn bản của Sở Nông nghiệp và Môi trường về đề nghị cử người tham gia Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án khai thác, chế biến khoáng sản, các cơ quan được đề nghị cử người tham gia Hội đồng thẩm định có trách nhiệm ban hành văn bản cử người theo đúng đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3. Trong quá trình tham vấn lấy ý kiến cộng đồng, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân lập hồ sơ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường**.**

Điều 22. Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và xử lý hoạt động khai thác khoáng sản trái phép

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

a) Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh An Giang được phê duyệt; báo cáo tổng kết, đánh giá công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh và đưa vào Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về khoáng sản hàng năm.

b) Hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khoáng sản.

c) Tổ chức kiểm tra trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

d) Kiểm tra đột xuất trong trường hợp cần thiết khi có dấu hiệu vi phạm diện tích, ranh giới khu vực khai thác của các tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản.

e) Tổng hợp báo cáo kết quả quản lý khoáng sản chưa khai thác và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến về dự toán kinh phí thực hiện phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Trên cơ sở phương án được phê duyệt, Sở Tài chính tham mưu Uỷ ban nhân dân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thực hiện trong khả năng cân đối ngân sách địa phương đảm bảo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

3. Trách nhiệm của Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng.

Chủ động nắm chắc tình hình, phát hiện đấu tranh có hiệu quả các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thăm dò, khai thác, vận chuyển, mua bán, sử dụng

khoáng sản; xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khoáng sản theo quy định.

4. Trách nhiệm của Sở Công Thương.

Chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn, xử lý các vi phạm trong hoạt động mua bán, vận chuyển, tiêu thụ khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

a) Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản tại địa phương; Tuyên truyền pháp luật về khoáng sản, vận động người dân tham gia bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội tại khu vực có khoáng sản. Tiến hành giải tỏa, ngăn chặn hiệu quả hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, kịp thời báo cáo, tham mưu các nội dung chỉ đạo xử lý thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định.

c) Chịu trách nhiệm chính trong công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác thuộc địa bàn quản lý. Thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cử lực lượng tham gia cùng các Sở, ban, ngành có liên quan kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản trái phép; chịu trách nhiệm giữ phương tiện, tang vật vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản khi được bàn giao.

6. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân.

a) Các tổ chức, cá nhân sử dụng đất có trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong diện tích đất sử dụng; không được tự ý khai thác khoáng sản khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

b) Các tổ chức, cá nhân được cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong diện tích được cấp phép thăm dò, khai thác; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền để giải quyết theo quy định.

Điều 23. Quản lý sản lượng khai thác của các tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản

1. Việc quản lý sản lượng khai thác của các tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh được căn cứ trên kết quả kiểm tra các tài liệu làm căn cứ xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế như: kiểm tra các loại sổ sách, chứng từ; bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác mỏ; báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng mỏ hàng năm. Ngoài ra có thể căn cứ vào số liệu tích hợp từ phần mềm kết nối trạm cân và camera giám sát tại mỏ với hệ thống quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường (nếu có).

2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

a) Định kỳ, đột xuất chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, Uỷ ban nhân dân cấp xã kiểm tra bản đồ hiện trạng khai thác mỏ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác mỏ; báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng mỏ hàng năm. Ngoài ra có thể kiểm tra số liệu tích hợp trong phần mềm kết nối trạm cân và camera giám sát tại mỏ và đối chiếu với hệ thống quản lý tại Sở Nông nghiệp và Môi trường (nếu có).

b) Phối hợp Thuế tỉnh An Giang và các cơ quan liên quan thông tin chi tiết về sản lượng khai thác tài nguyên trong năm theo từng mỏ của các đơn vị cấp phép hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh làm cơ sở so sánh, đối chiếu với sản lượng khoáng sản khai thác được mà doanh nghiệp đã khai báo với các cơ quan liên quan.

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế và các cơ quan liên quan xác định sản lượng đã khai thác trong kỳ (hoặc cả thời kỳ khai thác của mỏ) để kiểm tra việc kê khai, xác định các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước của tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác trước khi kết thúc khai thác và đóng cửa mỏ.

3. Trách nhiệm của Thuế tỉnh An Giang.

a) Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản thực hiện việc nộp ngân sách nhà nước theo quy định; kiểm tra, xác định sản lượng kê khai hàng tháng nộp ngân sách của các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản; kiểm tra các loại sổ sách, chứng từ.

b) Chuyển Sở Nông nghiệp và Môi trường thông tin chi tiết về sản lượng khai thác tài nguyên trong năm theo từng mỏ của các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã kê khai nộp nghĩa vụ tài chính theo quy định làm cơ sở so sánh, đối chiếu với sản lượng khoáng sản khai thác mà các tổ chức, cá nhân đã khai báo.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra các loại sổ, tài liệu, chứng từ về tài chính làm căn cứ xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế.

4. Trách nhiệm của các Sở, cơ quan có liên quan, Uỷ ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế tỉnh An Giang trong việc quản lý, xác định sản lượng khai thác của các tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản.

Điều 24. Xây dựng bảng giá tính thuế tài nguyên các loại khoáng sản

1. Hàng năm, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Thuế tỉnh An Giang và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu xây dựng bảng giá tính thuế tài nguyên các loại khoáng sản trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Thuế tỉnh An Giang và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với

Sở Tài chính trong quá trình khảo sát, xây dựng bảng giá tính thuế tài nguyên các loại khoáng sản trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 25. Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ lĩnh vực khoáng sản đối với nguồn kinh phí của tỉnh

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ lĩnh vực khoáng sản đối với nguồn kinh phí của tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan chủ động đề xuất các đề tài, dự án, đề án nghiên cứu khoa học công nghệ lĩnh vực khoáng sản đối với nguồn kinh phí của tỉnh, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, phù hợp với điều kiện của tỉnh để phát triển ngành Địa chất khoáng sản và công nghiệp khai khoáng trên địa bàn tỉnh theo định hướng của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022.

Điều 26. Công tác kiểm tra hoạt động khoáng sản và công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản tại các địa phương

1. Việc kiểm tra hoạt động khoáng sản phải thực hiện theo kế hoạch hàng năm của từng ngành và theo chuyên đề từng nhóm loại khoáng sản, loại hình mỏ hoặc theo địa bàn quản lý, tùy vào tình hình thực tiễn; việc kiểm tra được thống nhất và phối hợp thực hiện không thực hiện riêng lẻ từng cơ quan, trừ trường hợp có ý kiến chỉ đạo của Uỷ ban nhân dân tỉnh hoặc các cơ quan cấp trên.

2. Hàng năm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh phải xây dựng kế hoạch kiểm tra hoạt động khoáng sản của tổ chức, cá nhân và kiểm tra đánh giá công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản tại các địa phương theo lĩnh vực của ngành nhưng không quá một lần trên năm, trừ trường hợp có đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh của tổ chức, công dân hoặc đột xuất được cấp có thẩm quyền giao.

3. Trong quá trình kiểm tra theo kế hoạch, phát hiện vi phạm thuộc lĩnh vực ngành khác quản lý thì cơ quan chủ trì có trách nhiệm chuyển hồ sơ, tài liệu cho ngành đó xử lý hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền xử lý, cơ quan theo chuyên ngành quản lý hoặc cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, tài liệu có liên quan và chịu trách nhiệm xem xét xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh khi phát hiện các sai phạm, vi phạm hoặc buông lỏng trong công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản tại các địa phương theo chuyên ngành quản lý, phải có trách nhiệm kịp thời báo cáo và tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh xử lý trách nhiệm tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định hiện hành.

Trường hợp cần thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành thì các Sở, ban, ngành phải đề xuất đến Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, trình Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Việc xử lý hành vi vi phạm hành chính (nếu có) thông qua kiểm tra, thanh tra phải thực hiện theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về Địa chất và khoáng sản, Luật xử lý vi phạm hành chính và pháp luật khác có liên quan.

Chương III
TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT VỀ ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN

Điều 27. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị của tỉnh trong tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật về địa chất và khoáng sản

1. Sở Văn hoá và Thể thao.

a) Chỉ đạo các cơ quan tuyên truyền các chính sách, pháp luật về khoáng sản.

b) Hướng dẫn, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức tuyên truyền về bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, biểu dương kịp thời những tổ chức, cá nhân thực hiện tốt quy định của pháp luật trong hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường.

a) Chủ trì soạn thảo, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản về quản lý và bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền và tổ chức triển khai thực hiện tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về địa chất và khoáng sản.

b) Chủ động phối hợp với Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tổ chức tập huấn công tác quản lý nhà nước về khoáng sản; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản đối với người dân nơi có khoáng sản, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoáng sản.

3. Báo và Phát thanh - Truyền hình An Giang.

Thực hiện tuyên truyền chính sách, pháp luật về khoáng sản nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết cho các doanh nghiệp và nhân dân có ý thức bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản, biểu dương kịp thời những tổ chức, cá nhân thực hiện tốt quy định của pháp luật về khoáng sản; lên án những hành vi vi phạm pháp luật về khoáng sản.

4. Các Sở, ban, ngành có liên quan và địa phương.

Thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tài nguyên và môi trường và pháp luật có liên quan cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn; thực hiện trách nhiệm bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn quản lý.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến và hướng dẫn triển khai thực hiện Quy chế này trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ nhiệm vụ chủ trì, phối hợp được giao theo Quy chế này có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường để triển khai thực hiện có hiệu quả.

3. Những nội dung có liên quan đến công tác phối hợp trong hoạt động quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang nhưng không được quy định trong Quy chế này thì được thực hiện theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản và các văn bản hiện hành khác có liên quan.

4. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh vướng mắc, các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị và cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.